

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

Hưng Yên - Tháng 03 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Văn Vi	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bộ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2009)
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2009)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Thạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Văn Thạnh
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		687.168.144.821	417.642.764.232
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	180.125.491.523	59.444.354.921
1. Tiền	111		103.375.491.523	44.444.354.921
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.750.000.000	15.000.000.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.611.503.172	106.599.776.469
1. Phải thu khách hàng	131		114.321.742.196	88.687.452.591
2. Trả trước cho người bán	132		21.497.241.931	17.483.830.192
3. Các khoản phải thu khác	135	8	44.435.962.215	4.819.613.018
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.643.443.170)	(4.391.119.332)
III- Hàng tồn kho	140		322.656.760.798	243.655.983.725
1. Hàng tồn kho	141	6	322.656.760.798	243.655.983.725
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		13.774.389.328	7.942.649.117
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.194.535.027	7.478.827.115
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	579.854.301	463.822.002
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		810.349.578.655	489.388.276.510
I Các khoản phải thu dài hạn	210		508.506.978.052	231.927.751.916
1 Phải thu dài hạn khác	218	8	508.506.978.052	231.927.751.916
II- Tài sản cố định	220		138.955.002.666	144.977.158.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	138.955.002.666	144.967.158.959
- Nguyên giá	222		321.409.480.385	293.967.354.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.454.477.719)	(149.000.195.816)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	10.000.000
III- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		162.160.000.000	111.160.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	-	110.160.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	161.160.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9	1.000.000.000	1.000.000.000
IV- Tài sản dài hạn khác	260		727.597.937	1.323.365.635
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	727.597.937	1.323.365.635
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.497.517.723.476	907.031.040.742

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.058.544.486.592	634.489.795.506
I- Nợ ngắn hạn	310		515.688.753.603	349.789.022.264
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	327.884.439.929	288.342.249.657
2. Phải trả người bán	312		56.725.199.718	10.427.035.572
3. Người mua trả tiền trước	313		1.763.212.900	6.613.609.806
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.658.313.835	21.297.020.341
5. Phải trả người lao động	315		6.611.244.298	2.573.582.982
6. Chi phí phải trả	316		75.170.756.770	4.444.983.085
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		37.908.255.138	10.652.700.248
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	14	967.331.015	5.437.840.573
II- Nợ dài hạn	330		542.855.732.989	284.700.773.242
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	542.330.332.601	284.051.492.501
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	357.602	326.743.428
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		525.042.786	322.537.313
B- NGUỒN VỐN (400 = 410+430)	400		438.973.236.884	272.541.245.236
I- Vốn chủ sở hữu	410		435.445.320.804	272.249.448.161
1. Vốn điều lệ	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	131.940.000	131.940.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.612.240.837	1.502.982.837
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	32.162.866.369	2.315.236.152
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	9.222.400.955	2.503.617.365
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	238.315.872.643	115.795.671.807
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.527.916.080	291.797.075
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.527.916.080	291.797.075
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.497.517.723.476	907.031.040.742

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
1. Vật tư, hàng hoá nhận gia công	-	68.365.632.000

Hưng Yên, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.084.025.041.394	1.741.496.038.234
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	15.894.602.648	7.248.713.831
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.068.130.438.746	1.734.247.324.403
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.746.230.158.828	1.475.825.597.430
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		321.900.279.918	258.421.726.973
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	10.705.284.064	6.781.860.528
7 Chi phí tài chính	22	21	33.026.681.915	78.921.978.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>23.333.359.035</i>	<i>52.313.067.600</i>
8 Chi phí bán hàng	24		26.012.708.609	25.074.935.328
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.422.026.904	13.924.211.129
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		255.144.146.554	147.282.462.598
11 Thu nhập khác	31		5.114.316.047	7.549.354.813
12 Chi phí khác	32		74.295.562	135.012.092
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		5.040.020.485	7.414.342.721
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		260.184.167.039	154.696.805.319
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	34.490.158.870	20.913.035.965
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	269.381.872	(591.902.453)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		225.424.626.297	134.375.671.807
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	15.028	8.958

Hưng Yên, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	260.184.167.039	154.696.805.319
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	33.367.160.331	31.712.974.452
- Các khoản dự phòng	03	781.814.280	6.161.825.660
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	875.070.033	3.757.865.271
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.545.914.719)	13.522.454.394
- Chi phí lãi vay	06	23.333.359.035	52.313.067.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	307.995.655.999	262.164.992.696
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(356.193.565.237)	(116.590.740.693)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(79.000.777.073)	524.739.839
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	127.578.759.949	(33.935.477.731)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(25.725.671.468)	(53.759.379.794)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.747.052.702)	(17.815.934.217)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.114.316.047	539.800.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(18.405.513.077)	(5.508.225.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(71.383.847.562)	35.619.775.100
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.757.669.497)	(3.156.958.461)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	334.428.762
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.000.000.000)	(61.507.455.919)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.545.914.719	6.781.821.228
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(65.211.754.778)	(57.548.164.390)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.184.559.068.883	1.388.159.028.601
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.886.825.236.760)	(1.362.814.462.639)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.459.954.000)	(29.823.412.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	257.273.878.123	(4.478.846.038)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	120.678.275.783	(26.407.235.328)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	59.444.354.921	85.850.948.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.860.819	641.984
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	180.125.491.523	59.444.354.921

Hưng Yên, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thanh

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 20/02/2004, thay đổi lần 9 ngày 01/03/2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 399 người (tại 31/12/2008 là 389 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt-Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (TIẾP THEO)

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ tăng khoảng 750 triệu đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Năm 2009 (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	4
Phương tiện vận tải	8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6868 BKH/DN ngày 11/10/2001 và Công văn số 4763 BKH/PTDN ngày 30/07/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm theo điều kiện ưu đãi đối với doanh nghiệp thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty áp dụng mức ưu đãi trong năm 2008 và 2009. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm từ 2006 đến năm 2009. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá các nội dung của Công văn số 148/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng cục Thuế về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006 và tin tưởng rằng, Công ty vẫn được áp dụng ưu đãi trong năm tài chính 2009.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	474.474.066	4.304.661.466
Tiền gửi ngân hàng	102.901.017.457	37.190.924.455
Tiền đang chuyển	-	2.948.769.000
Các khoản tương đương tiền (*)	76.750.000.000	15.000.000.000
	180.125.491.523	59.444.354.921

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	11.009.649.639
Nguyên liệu, vật liệu	200.252.840.165	172.465.303.865
Công cụ, dụng cụ	365.509.760	196.114.243
Thành phẩm	121.477.346.451	56.931.643.581
Hàng gửi đi bán	561.064.422	3.053.272.397
	322.656.760.798	243.655.983.725

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tạm ứng	556.682.423	463.822.002
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.171.878	-
	579.854.301	463.822.002

8. PHẢI THU KHÁC

Khoản Phải thu dài hạn khác phản ánh số tiền phải thu Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (công ty liên kết của Công ty), trong đó bao gồm chủ yếu là khoản Công ty Cổ phần thép Việt-Ý vay ngân hàng dài hạn, rồi chuyển cho Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà hoặc thanh toán cho các nhà thầu để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy thổi thép công suất 400.000 tấn/năm ở Hải Phòng.

Tương tự, khoản Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2009 chủ yếu phản ánh số tiền phải thu Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty đã vay của ngân hàng, rồi chuyển cho Công ty Cổ phần Luyện Thép Sông Đà.

Các khoản phải thu khác này, Công ty không tính lãi.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí theo Quyết định số 555 CT/QĐ-HDQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý ngày 25/09/2007. Tại ngày 31/12/2009, Công ty không nhận được thông báo cổ tức nào từ Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí, theo đó, không phát sinh khoản doanh thu tài chính nào từ khoản đầu tư này trong năm 2009.

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	52.554.654.108	232.302.423.701	8.927.956.971	182.319.995	293.967.354.775
Mua trong năm		56.820.000	4.613.656.531	168.423.076	4.838.899.607
Tạm tăng từ xây dựng cơ bản		22.603.226.003			22.603.226.003
Tại ngày 31/12/2009	52.554.654.108	254.962.469.704	13.541.613.502	350.743.071	321.409.480.385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	23.707.395.170	121.001.202.873	4.176.648.697	114.949.076	149.000.195.816
Trích khấu hao	7.703.184.788	24.303.956.974	1.389.766.619	57.373.522	33.454.281.903
Tại ngày 31/12/2009	31.410.579.958	145.305.159.847	5.566.415.316	172.322.598	182.454.477.719
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	21.144.074.150	109.657.309.857	7.975.198.186	178.420.473	138.955.002.666
Tại ngày 31/12/2008	28.847.258.938	111.301.220.828	4.751.308.274	67.370.919	144.967.158.959

Như trình bày tại thuyết minh số 15 thuyết minh tại ngày 31/12/2009, giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 117.351.508.618 đồng (năm 2008: 125.571.645.967 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần thép Sông Đà	Hải Phòng	47,81%	161.160.000.000	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000257 ngày 12/5/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy bỏ Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000210 ngày 25/7/2008 cấp cho Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý thực hiện Dự án Nhà máy Sản xuất Phôi thép, đồng thời chứng nhận Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà là chủ đầu tư thực hiện Dự án trên.

Tại ngày 31/12/2008, Công ty nắm giữ quyền biểu quyết > 50% tại Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (“SDS”). Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty xác định nắm quyền kiểm soát tại SDS, và theo đó, SDS được xác định là công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2008.

Trong năm 2009, SDS thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 320 tỷ theo phương án được Đại hội đồng cổ đông bất thường của SDS thông qua tại Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2009. Theo Nghị quyết số 43 CT/QĐ-HĐQT ngày 02/10/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý, Công ty đã thực hiện góp vốn tăng thêm vào SDS. Theo đó, tại ngày 31/12/2009, Công ty đã đầu tư 161.160.000.000 đồng, tương ứng 15.300.000 cổ phần chiếm 47,81% vốn điều lệ SDS, ít hơn 50% quyền biểu quyết tại SDS. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty không tiếp tục nắm quyền kiểm soát tại SDS tại ngày 31/12/2009.

Theo đó, tại ngày 31/12/2009, Công ty không còn kiểm soát công ty con nào, và không thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	252.055.441.837	251.464.249.657
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Phố Nối	21.817.489.040	89.338.630.287
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	137.300.407.620	128.925.023.816
Ngân hàng Công thương Hưng Yên	72.131.790.135	33.200.595.554
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	20.805.755.042	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	75.828.998.092	36.878.000.000
	327.884.439.929	288.342.249.657

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng tín chấp. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyển đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.076.195.983
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.690.595.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.348.516.148	6.605.409.980
Thuế thu nhập cá nhân	298.637.348	913.658.560
Các loại thuế khác	9.363.539	9.363.539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.796.800	1.796.800
	8.658.313.835	21.297.020.341

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Khoản dự phòng phải trả tại thời điểm cuối năm phản ánh các khoản chi phí dự kiến Công ty phải thanh toán cho các khoản công nợ có gốc ngoại tệ, được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa tỷ giá thực tế dự kiến phải trả và tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận này là phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2001/HĐ ngày 28/08/2001. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 30/10/2011. Lãi suất cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của Ngân hàng cộng (+) 2%/năm.	31.105.290.936	46.805.290.936
Các khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo hai hợp đồng: - Hợp đồng tín dụng bổ sung với Ngân hàng Công thương Hưng Yên sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD giữa Ngân hàng Công thương Hưng Yên và Công ty Sông Đà 12. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 11/9/2011. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3,5%/năm. - Hợp đồng tín dụng số 300054100-02/HĐTD/Vietinbank-VIS tháng 11/2008 vay vốn đầu tư trạm khí hoá than thay thế dầu FO.	34.329.063.613	42.241.508.921
Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép ở Hải Phòng như trình bày tại Thuyết minh số 8.	552.724.976.144	231.882.692.644
	618.159.330.693	320.929.492.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn đều được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Riêng đối với khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/HDTD/VIS ngày 11/8/2007, ngoài việc Bên vay phải thế chấp toàn bộ nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án, Bên vay còn phải thế chấp quyền sử dụng đất nơi nhà máy sản xuất phôi thép tọa lạc và toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên vay, bao gồm cả quyền được nhận số tiền bảo hiểm từ tài sản này. Công ty cũng đang trong quá trình để chuyển đổi chủ thể vay của hợp đồng này sang cho Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	75.828.998.092	36.878.000.000
Trong năm thứ hai	116.541.906.232	29.100.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	271.025.433.049	47.074.509.394
Sau năm năm	154.762.993.320	207.876.983.107
	618.159.330.693	320.929.492.501
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	75.828.998.092	36.878.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	542.330.332.601	284.051.492.501

16. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	528.144.549	468.477.658	996.622.207
Kết chuyển sang kết quả kinh doanh trong năm	89.712.031	(359.093.903)	(269.381.872)
Tại ngày 31/12/2009	617.856.580	109.383.755	727.240.335

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(357.602)	(326.743.428)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	727.597.937	1.323.365.635
	727.240.335	996.622.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2008	150.000.000.000	131.940.000	154.546.794	1.407.990.383	21.552.539.648
Trích lập các quỹ năm 2007			3.663.672.195	1.095.626.982	(6.552.539.648)
Thông báo cổ tức năm 2007					(15.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm					134.375.671.807
Thông báo cổ tức đợt 1 năm 2008					(15.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2008					(3.580.000.000)
Mua sắm TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển			(1.502.982.837)		
Tại ngày 31/12/2008	150.000.000.000	131.940.000	2.315.236.152	2.503.617.365	115.795.671.807
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2008			33.956.888.217	6.718.783.590	(62.095.671.807)
Thông báo cổ tức năm 2008					(22.500.000.000)
Lợi nhuận trong năm					225.424.626.297
Thông báo cổ tức đợt 1 năm 2009					(18.000.000.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2009					(308.753.654)
Mua sắm TSCĐ bằng Quỹ đầu tư phát triển			(4.109.258.000)		
Tại ngày 31/12/2009	150.000.000.000	131.940.000	32.162.866.369	9.222.400.955	238.315.872.643

b. Cổ tức và các Quỹ

- Theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2009, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2008, chi tiết như sau

	Số tiền VND
Trích Quỹ dự phòng tài chính	6.718.783.590
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.000.000.000
Bổ sung Quỹ đầu tư phát triển	33.956.888.217
Trả cổ tức 25% (đã tạm ứng 10% năm 2008)	37.500.000.000
Cộng	103.175.671.807
Số đã tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2008	(3.580.000.000)
Số cổ tức đã tạm ứng trước năm 2008	(15.000.000.000)
Số còn phải phân phối	84.595.671.807

- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị thường kỳ quý II/2009 ngày 20/8/2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã thông qua phương án trả cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 12%.
- Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2009 với số tiền 308.753.654 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. DOANH THU

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	2.019.185.375.966	1.685.514.816.375
Doanh thu hoạt động gia công	64.839.665.428	55.981.221.859
	2.084.025.041.394	1.741.496.038.234
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	13.715.000.624	6.278.698.396
Giảm giá hàng bán	-	624.354.935
Hàng bán bị trả lại	2.179.602.024	345.660.500
	15.894.602.648	7.248.713.831

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.714.436.699.390	1.448.251.887.230
Giá vốn của hoạt động gia công	31.793.459.438	27.573.710.200
	1.746.230.158.828	1.475.825.597.430

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.545.914.719	4.827.913.012
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.734.000	236.722.574
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.690.019.301
Doanh thu hoạt động tài chính khác	127.635.345	27.205.641
	10.705.284.064	6.781.860.528

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền vay (*)	23.333.359.035	52.313.067.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.841.961.360	20.464.283.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	875.070.032	5.437.840.573
Chi phí tài chính khác	1.976.291.488	706.786.522
	33.026.681.915	78.921.978.446

(*) Lãi tiền vay trong năm được giảm trừ số tiền từ khoản ưu đãi hỗ trợ lãi suất đầu tư với số tiền 5.365.078.000 đồng theo Hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 07/2004/HĐ/HTLS ngày 28/12/2004 với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hưng Yên. Trong năm 2008, khoản hỗ trợ này là 5.705.421.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	225.424.626.297	134.375.671.807
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	15.028	8.958

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	260.184.167.039	154.696.805.319
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.444.927.965	1.028.956.730
	261.629.095.004	155.725.762.049
Thu nhập chịu thuế		
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	250.280.004.451	
Thu nhập không hưởng ưu đãi thuế	11.349.090.553	
Thuế suất ưu đãi	12,5%	12,5%
Thuế suất thông thường	25,0%	
Điều chỉnh theo quyết toán thuế, thanh tra	367.885.676	1.447.295.791
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.490.158.870	20.913.035.965
Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh 16)	269.381.872	(591.902.453)
	34.759.540.742	20.321.133.512

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	365.800.351	690.804.517

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	544.048.500	329.712.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	634.194.000	873.906.971
Sau năm thứ năm	2.877.042.750	2.799.402.529
	4.055.285.250	4.003.022.471

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho các hợp đồng thuê chủ yếu sau:

Tổng số tiền thuê 77.742 m² đất tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên để xây dựng nhà máy cán thép theo Hợp đồng thuê đất 10/HĐ-TĐ ngày 30/3/2001 với Sở Địa chính Hưng Yên với thời hạn thuê 35 năm kể từ ngày 01/03/2001. Theo đó, đơn giá thuê đất là 1.750 đồng/m²/năm.

Tiền thuê cho văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội với đơn giá thuê mặt bằng là 30.000.000 đồng /tháng.

Tiền thuê cho văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng với đơn giá thuê mặt bằng là 4.000.000 đồng /tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CAM KẾT KHÁC

Công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản với tổng mức đầu tư khoảng 99 tỷ đồng trong năm 2010.

26. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	56.819.929.280	37.454.370.090
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	690.275.030	1.434.075.802
Công ty Sông Đà 7	64.057.157.120	48.618.778.259
Công ty Sông Đà 6	8.352.841.140	7.332.385.550
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	1.973.886.212	2.718.041.370
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	-	15.733.134.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	6.255.620.942	4.347.540.506
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	5.155.480.574	9.552.276.798
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	15.665.576.860	11.920.230.537
Chi nhánh Công ty Sông Đà 9.08	8.264.380.130	5.347.862.208
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	4.583.820.050	4.124.447.750
Ban điều hành thủy điện Sơn La	831.955.190	26.127.550.417
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	9.332.168.816	12.142.951.500
Công ty CP Thương mại và Vật tư Sông Đà	14.292.074.700	-
Công ty CP Sông Đà 27	1.133.586.350	-
CN Công ty CP Sông Đà 405	3.237.509.724	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.2	1.287.796.400	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.7	2.165.530.480	-
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	1.312.388.400	-
Các bên liên quan khác	2.215.970.004	6.758.472.567
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	33.045.777.305	-
Các bên liên quan khác	166.974.718	-
Góp vốn đầu tư		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (trước đây là Công ty TNHH Luyện thép Hải Phòng)	51.000.000.000	63.168.431.557

Chính sách giá bán cho các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát có thể so sánh được.

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.411.860.423	1.056.271.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Sông Đà 7	15.370.174.676	15.954.124.772
Công ty Sông Đà 5	11.869.085.719	12.272.817.032
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	927.542.633	8.094.520.105
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	146.056.561	146.056.561
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	5.185.371.212	5.029.890.638
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	431.731.001	1.017.508.679
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	704.122.829	7.502.603.475
Ban điều hành thủy điện Sơn La - TCTy Sông Đà	9.726.905.000	1.648.455.450
Công ty CP Sông Đà 505	2.376.961.839	551.174.701
Công ty CP Thương mại và Vật tư Sông Đà	783.869.896	203.716.886
Công ty CP Sông Đà 10.5	2.010.107.253	1.371.191.993
Xí nghiệp Sông Đà 601	2.138.037.424	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.2	1.352.186.220	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9	630.000.000	-
Công ty CP Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	3.344.000.000	-
Các bên liên quan khác	2.161.364.147	2.189.553.897
Các khoản phải trả		
Công ty Sông Đà 12	773.124.761	773.124.761
Tổng Công ty Sông Đà	52.467.135	42.291.719
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	33.045.777.305	-
Các bên liên quan khác	268.907.416	280.919.642
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	552.740.151.792	231.927.751.916

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 18/1/2010 Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý ký hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS với Tổng Công ty Sông Đà về việc thuê dài hạn tầng 8 và tầng 9 với tổng diện tích 1.587,2 m² (trong vòng 50 năm) tại nhà A, tòa nhà HH4 SONG DA TWIN TOWER với tổng số tiền thuê 38.886.400.000 đồng (cho suốt thời hạn thuê).

Ngày 3/2/2010, Ủy ban chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 509/UBCK-GCN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty. Theo đó, Công ty được phép phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán là 15.000.000 cổ phiếu, trong đó (i) phát hành 7.500.000 cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và (ii) chào bán 7.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.